

BÀI 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước khó khăn nào?

- A. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Potsdam.
- B. Các đảng phái trong nước đều câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.
- C. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.
- D. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.

Câu 2. Một trong những thuận lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi mới thành lập là

- A. được Trung Quốc và Liên Xô giúp đỡ.
- B. được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận.
- C. nhân dân đã giành được quyền làm chủ đất nước.
- D. Phát xít Nhật đã được giải giáp khỏi nước ta.

Câu 3. Một trong những khó khăn thử thách mà cách mạng Việt Nam phải đương đầu sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. các nước đế quốc bao vây, cấm vận kinh tế.
- B. những hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại
- C. quân đội các nước Đồng minh lũ lượt kéo vào.
- D. quân Tưởng hỗ trợ cho Pháp đánh Nam Bộ.

Câu 4. Quân đội các nước với danh nghĩa Đồng minh vào nước ta sau năm 1945 là

- A. quân Anh, quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. quân Pháp, quân Anh.
- C. quân Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc.
- D. quân Anh, quân Mỹ.

Câu 5. Sự kiện đánh dấu việc thực dân Pháp chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai là

- A. Pháp gây hấn ở Sài Gòn – Chợ Lớn khi nhân dân mít tinh.
- B. quân Pháp chiếm đóng những nơi quan trọng ở Sài Gòn.
- C. quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ.
- D. Pháp gửi tối hậu thư đòi quyền giữ gìn trật tự ở Hà Nội.

Câu 6. Nhiệm vụ cấp bách của Cách mạng Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. củng cố chính quyền, chống Pháp và nội phản.
- B. chống quân Đồng minh đang có âm mưu xâm lược trở lại.
- C. chống bọn phản động ta sai của quân Đồng minh.
- D. xây dựng đất nước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Câu 7. Khi Pháp xâm lược Nam Bộ (9/1945), Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có hành động nào để bảo vệ nền độc lập đất nước?

- A. Đã tiến hành đàm phán khẩn cấp với Pháp.
- B. Tố cáo hành vi của Pháp đến Liên hợp quốc.
- C. Đưa toàn bộ quân đội vào Nam chiến đấu.
- D. Huy động cả nước để chi viện cho Nam Bộ.

Câu 8. Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam bộ trong những ngày đầu thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam đã

- A. ngăn chặn hoàn toàn cuộc chiến với thực dân Pháp.
- B. khắc phục được nhiều khó khăn do chế độ cũ để lại.
- C. bảo vệ vững chắc nền độc lập non trẻ của Việt Nam.
- D. tạo tiền đề cho cuộc trường kì kháng chiến của dân tộc.

Câu 9. Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam bộ trong những ngày đầu thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam đã chứng minh

- A. sự đúng đắn của đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.
- B. sự chuẩn bị đầy đủ về lực lượng của ta trước âm mưu mới của kẻ thù.
- C. quyết tâm của ta trong việc bảo vệ thành quả của cách mạng.
- D. thực dân Pháp đã thất bại hoàn toàn trong âm mưu mới.

Câu 10. Quân Trung Hoa Dân quốc vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thực chất nhằm mục đích

- A. lật đổ chính quyền cách mạng, tiêu diệt đảng cộng sản.
- B. câu kết với bọn phản động để dựng lên chính phủ tay sai.
- C. làm hậu thuẫn cho quân Mỹ chiếm Đông Dương.
- D. giúp đỡ thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam.

Câu 11. Âm mưu chủ yếu của các thế lực phản động trong và ngoài nước đối với Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim.
- B. đưa thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.

- C. mở đường cho đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam. D. chống phá chính quyền cách mạng Việt Nam.
- Câu 12.** Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, thực dân đế quốc nào sau đây đã quay trở lại xâm lược Việt Nam?
A. Anh B. Pháp C. Mỹ D. Nhật
- Câu 13.** Sự kiện nào trực tiếp dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bùng nổ vào ngày 19 – 12 – 1946?
A. Quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.
B. Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
C. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến”.
D. Quân Pháp mở chiến dịch tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc
- Câu 14.** Một trong những bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là
A. quan hệ giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ngày càng hoà dịu và chuyển sang hợp tác.
B. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc phát triển mạnh mẽ.
C. trên thế giới, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta nhanh chóng xói mòn.
D. nước Pháp ngày càng củng cố thành công địa vị cường quốc toàn cầu.
- Câu 15.** Một trong những bối cảnh lịch sử của tình hình thế giới khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của nhân dân Việt Nam nổ ra là
A. hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành. B. cách mạng Cuba đã giành được thắng lợi.
C. xu thế hòa hoãn Đông - Tây đã xuất hiện. D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại.
- Câu 16.** Một trong những bối cảnh lịch sử của tình hình Việt Nam khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) nổ ra là
A. nhân dân đã giành quyền làm chủ đất nước. B. nạn đói chưa được đẩy lùi gây khó khăn lớn.
C. phải đối phó với cả Tưởng, Anh, Mỹ, Pháp. D. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- Câu 17.** Những yếu tố nào sau đây có tác động to lớn đến tình hình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?
A. Sự thiết lập của trật tự thế giới đa cực, sự chi phối của Mỹ.
B. Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, Chiến tranh lạnh.
C. Tình trạng chạy đua vũ trang giữa các nước, trật tự đơn cực.
D. Sự thiết lập Trật tự Véc-xai – Oa-sinh--ton, Chiến tranh lạnh.
- Câu 18.** Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã quyết định
A. kí hiệp định Sơ bộ với Pháp. B. phát động toàn quốc kháng chiến.
C. phản công quân Pháp tại Việt Bắc. D. ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
- Câu 19.** Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19/12/1946) là do
A. Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô và một số nước khác.
B. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam cho cuộc kháng chiến đã hoàn tất.
C. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng quân sự để tiến hành xâm lược Việt Nam.
D. Việt Nam không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.
- Câu 20.** Đường lối kháng chiến của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là
A. tranh thủ sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ.
B. trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi.
C. tự lực, toàn dân, toàn diện, lâu dài, từng bước tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.
D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- Câu 21.** Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam tại các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947 có nhiệm vụ trọng tâm là
A. giữ thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
B. đưa cả nước bước vào kháng chiến lâu dài.
C. phá hủy toàn bộ phương tiện vật chất của Pháp.
D. tiêu diệt toàn bộ binh lực Pháp.
- Câu 22.** Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng về cuộc chiến đấu trong các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 ở Việt Nam (1946 - 1947)?
A. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào kháng chiến lâu dài.
B. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava của Pháp.
C. Thể hiện tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân ta.
D. Là một thắng lợi quân sự tiêu biểu của nhân dân ta.

Câu 23 . Nhiệm vụ chủ yếu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (từ tháng 12/1946 đến tháng 2/1947) là

- A. bảo vệ Hà Nội và các đô thị.
- B. củng cố hậu phương kháng chiến.
- C. tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.
- D. giam chân quân Pháp tại các đô thị.

Câu 24. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 thắng lợi đã

- A. xoay đổi toàn bộ cục diện của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân Pháp tấn công lên Việt Bắc.
- C. đẩy quân Pháp ở Đông Dương vào thế bị động trên những chiến trường chính.
- D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

Câu 25. Chiến dịch nào sau đây được mở nhằm khai thông biên giới Việt – Trung?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Hoàng Hoa Thám năm 1951.

Câu 26. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 ở Việt Nam được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc.
- B. Thực dân Pháp lâm vào thế bị động trên chiến trường chính
- C. Thực dân Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.
- D. Mỹ đang hỗ trợ thực dân Pháp triển khai kế hoạch Nava.

Câu 27. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1951 đã quyết định

- A. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.
- B. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. mở cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1952 – 1953.
- D. thành lập Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào.

Câu 28. Sự kiện nào sau đây gắn liền với việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Liên Việt và Mặt trận Việt Minh hợp nhất thành Hội Liên Việt.
- C. Hội Liên Việt và Mặt trận Việt Minh thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.
- D. Hội Liên Việt và Mặt trận Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.

Câu 29. Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam- Lào- Cam-pu-chia được củng cố và tăng cường?

- A. Liên minh kinh tế – văn hoá Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
- B. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
- C. Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào được thành lập.
- D. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập.

Câu 30. Nhiệm vụ tập hợp, xây dựng lực lượng khối đoàn kết dân tộc ở Việt Nam từ năm 1951 đến năm 1954 do mặt trận nào đảm nhiệm

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. Hội Liên Việt.
- C. Liên minh nhân dân Việt- Miên- Lào.
- D. Mặt trận Liên Việt.

Câu 31. Vì sao Đại hội Đại biểu lần II của Đảng (1951) lại đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

- A. Đảng vẫn tiếp tục nắm quyền lãnh đạo cách mạng.
- B. Đã hoàn thiện được đường lối đấu tranh, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với cuộc kháng chiến.
- C. Đã giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.
- D. Đã đưa Đảng ra hoạt động công khai, tiếp tục nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 32. Một trong những bước phát triển mới về văn hoá trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những năm 1951 – 1953 là

- A. tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ hai.
- B. tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ nhất.
- C. thành lập Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ.
- D. hoàn thành xoá mù chữ trên cả nước.

Câu 33. Pháp đề ra kế hoạch Nava (1953) với mục đích chính là

- A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. đưa được tù binh Pháp trở về nước.
- C. tiêu diệt hoàn toàn bộ đội Việt Nam.
- D. thành lập Liên bang Đông Dương.

Câu 34. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 đã

- A. khiến toàn bộ quân Pháp ở Đông Dương phải đầu hàng.
- B. bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va của quân Pháp.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán tại Hội nghị Pa-ri.
- D. giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

Câu 35. Những chiến dịch lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1947 đến năm 1954 lần lượt là

- A. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Hạ Lào, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- B. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Biên giới, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. chiến dịch Biên giới, chiến dịch Đường 9, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- D. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 36. Chủ trương, kế hoạch của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra trong Đông- xuân 1953 - 1954 thể hiện kế sách nào sau đây?

- A. Tránh chỗ yếu, đánh chỗ mạnh.
- B. Kết hợp tiến công với nổi dậy.
- C. Điều địch để đánh địch.
- D. Lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều.

Câu 37. “Chủ động mở những cuộc tiến công tại những địa bàn trọng yếu buộc địch phải phân tán lực lượng” là

- A. nhiệm vụ chính của quân ta trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950
- B. phương hướng chiến lược của quân ta trong đông xuân 1953 – 1954.
- C. phương châm tác chiến của quân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
- D. lối đánh xuyên suốt của quân ta trong các chiến dịch kháng chiến chống Pháp.

Câu 38. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 -1954 ở Việt Nam?

- A. Tạo điều kiện cho chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi.
- B. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của thực dân Pháp.
- C. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.
- D. Khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta.

Câu 39. Trong thời kỳ 1945-1954, quân đội và nhân dân Việt Nam đã mở chiến dịch nào để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm lớn nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Việt Bắc.
- B. Thượng Lào.
- C. Điện Biên Phủ.
- D. Biên giới.

Câu 40 . Điểm khác biệt cơ bản về hướng tiến công của quân đội Việt Nam trong xuân hè 1954 so với đông xuân 1953-1954 là gì?

- A. Tấn công vào nơi mà địch tương đối yếu.
- B. Tấn công vào nơi mạnh nhất của địch.
- C. Tấn công vào nơi địch yếu nhất.
- D. Tấn công vào hậu phương của địch.

Câu 41. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có hạn chế nào sau đây?

- A. Chỉ có thể tiếp tế bằng đường không.
- B. Quá đông quân trên một địa bàn nhỏ.
- C. Các cứ điểm không bố trí vững chắc.
- D. Hỏa lực chi viện của Pháp rất yếu.

Câu 42. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 là

- A. kháng chiến và kiến quốc.
- B. kháng chiến và lao động.
- C. chiến đấu và sản xuất.
- D. kháng chiến và cải cách.

Câu 43. Âm mưu chính của Pháp - Mỹ khi xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là nhằm

- A. thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Nam.
- B. bảo vệ vùng Tây Bắc, khóa chặt biên giới.
- C. giành lại thế chủ động trên chiến trường.
- D. ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Nam và Lào.

Câu 44. Một trong những lí do khiến thực dân Pháp có thể duy trì và kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là

- A. nhận được sự viện trợ của các nước Đông Âu và các thuộc địa của Pháp.
- B. có sự ủng hộ rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân Pháp.
- C. nhận được sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ.
- D. sự rút lui của quân đội Đồng minh.

Câu 45. Một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

- A. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.
- B. sự giúp đỡ, ủng hộ to lớn của nhân dân các nước Đông Nam Á.
- C. sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.

- D. sự kết hợp cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giai cấp dân tộc.
- Câu 46.** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã góp phần
- làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
 - làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.
 - đưa chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới.
 - đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Câu 47.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?
- Cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở châu Phi.
 - Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
 - Giáng đòn nặng nề vào sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
 - Đưa đến sự ra đời của hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa.
- Câu 48.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gắn liền với đường lối
- đánh nhanh, thắng nhanh.
 - đánh chắc, tiến chắc.
 - vừa kháng chiến vừa kiến quốc.
 - kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao.
- Câu 49.** Phương châm nào sau đây của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có thể tiếp tục vận dụng hiệu quả trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?
- Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.
 - Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu.
 - Đánh chắc, tiến chắc về quân sự.
 - Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- Câu 50 .** Chiến dịch Việt Bắc thu- đông (1947) và Biên giới thu- đông (1950) của quân dân Việt Nam đều
- chủ động tiến công Pháp.
 - thực hiện chiến tranh nhân dân.
 - mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
 - làm phá sản kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.
- Câu 51.** Một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 với chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 của quân dân Việt Nam là
- tinh thần quyết tâm của dân tộc.
 - lực lượng tham gia chiến dịch.
 - bối cảnh quốc tế mở chiến dịch.
 - lực lượng chỉ đạo chiến dịch.
- Câu 52.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) có điểm gì mới so với những chủ trương trước đó của Đảng?
- Giải quyết triệt để vấn đề dân tộc ở Đông Dương.
 - Xác định đường lối kháng chiến của Đảng.
 - Xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng.
 - Giải quyết vấn đề dân tộc ở từng nước Đông Dương.
- Câu 53.** Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 so với chiến dịch biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam là về
- đối tượng tác chiến.
 - địa hình tác chiến.
 - loại hình chiến dịch.
 - lực lượng chủ yếu
- Câu 54.** Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa Đảng Lao động Việt Nam và Đảng cộng sản Đông Dương thời kì 1930-1945?
- Nhiệm vụ - mục tiêu.
 - Tính chất và hình thức hoạt động.
 - Động lực cách mạng.
 - Mối quan hệ quốc tế.
- Câu 55 .** Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3-1951) Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì về xây dựng mặt trận hiện nay?
- Xây dựng khối liên minh công – nông.
 - Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.
 - Đoàn kết các tôn giáo.
 - Đoàn kết các dân tộc.

PHẦN 2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc,... Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (ngày 19-12-1946), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh toàn dân.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh toàn diện.
- C. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh trường kì.
- D. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh tự lực cánh sinh.

Câu 2. Cho dữ liệu thống kê sau đây về viện trợ quân sự của Mỹ đối với Pháp, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Năm 1951, viện trợ của Mỹ đã lên 340 triệu đô la, được tính bằng số lượng 50 xe tăng, 24 xe thiết giáp, 300 xe vận tải, 70 khẩu pháo, 30 máy bay chiến đấu, 70 xuồng và một số tàu vận tải, vũ khí bộ binh đủ trang bị cho 12 tiểu đoàn bộ binh; đồng thời, cố vấn quân sự được đưa sang nằm ngay trong Bộ Tổng chỉ huy Đông Dương của quân Pháp. Đến tháng 5-1952, chuyến hàng thứ 150 của Mỹ đã được chuyển sang Đông Dương, Chính phủ Mỹ đã chịu tới 40 % tổng chi phí ngân sách cho cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp.

- A. Mỹ tăng cường viện trợ cho Pháp trong chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- B. Mỹ đã hắt cẳng Pháp, trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- C. Chính phủ Mỹ ngày càng lộ rõ ý định tái chiếm Đông Dương bằng mọi giá.
- D. Mỹ phải chịu trách nhiệm cho thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương

Câu 3. Cho dữ liệu thống kê sau đây về viện trợ quân sự của Mỹ đối với Pháp, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Viện trợ của Mỹ cho Pháp trong hai năm 1953, 1954 tăng đột biến: năm 1953 gấp ba lần năm 1952, năm 1954 tăng gấp đôi năm 1953, giá trị chương trình viện trợ quân sự Mỹ trong tổng ngân sách của Pháp chỉ cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương tăng từ 43 % (1953) lên 78 % (1954) với khoảng 2 tỉ đô la. Có 37 phi công Mỹ đã tham gia lực lượng viễn chinh của Pháp trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

- A. Mỹ chịu trách nhiệm chính cho những tội ác mà quân Pháp gây ra trong chiến tranh ở Việt Nam.
- B. Đến năm 1954, Mỹ đã gánh chịu phần lớn chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.
- C. Từ năm 1953, viện trợ của Mỹ cho Pháp tăng đột biến do lo ngại quân Pháp ở miền Nam Việt Nam bị tiêu diệt.
- D. Từ năm 1954, quân đội Mỹ hắt cẳng quân đội Pháp, trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tôi đã hiểu vì sao mọi người đều lựa chọn phương án đánh nhanh,... Lí do chính là e thời gian chuẩn bị kéo dài, địch sẽ tăng thêm quân, tập đoàn cứ điểm ngày càng mạnh, sẽ làm ta mất cơ hội tiêu diệt địch! Nhiều người cho rằng sự xuất hiện lần đầu của lựu pháo và cao xạ sẽ làm quân địch choáng váng. Nhưng chúng ta chỉ có vài ngàn viên đạn! Đặc biệt, mọi người đều tin vào khi thế của bộ đội khi xuất quân, tin vào sức mạnh tinh thần. Nhưng sức mạnh tinh thần cũng có những giới hạn”.

(*Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.102)

- A. Phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” được nhiều người ủng hộ và tin tưởng sẽ thắng lợi.
- B. Đa số mọi người cho rằng lựu pháo và cao xạ sẽ khiến cho quân Pháp bị bất ngờ.
- C. Phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” đã bị một số người phản đối.
- D. Một số người muốn chuyển sang phương án “đánh chắc, tiến chắc”.

Câu 5. Cho bảng dữ liệu sau về một số thắng lợi quân sự tiêu biểu của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Thắng lợi quân sự tiêu biểu	Nội dung chính
Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947	- Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947, khi thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc.

	- Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.
Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950	- Diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. - Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	- Trải qua 56 ngày đêm (từ ngày 13 – 3 – 1954 đến ngày 7 – 5 – 1954 với ba đợt. - Chiến thắng đã tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ – ne – vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

A. Trong suốt tiến trình kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), quân đội Việt Nam đã tiến hành 3 chiến dịch chống lại kẻ thù là chiến dịch Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi quân sự lớn nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp và là thắng lợi trực tiếp kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

C. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 và Điện Biên Phủ 1954 có sự tương đồng về lực lượng lãnh đạo, mức độ huy động lực lượng và kết quả cuối cùng.

D. Chiến dịch Việt Bắc 1947 và chiến dịch Biên giới 1950 có sự khác biệt về sự chủ động tấn công của quân ta đối với kẻ thù.

BÀI 8: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975).

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A.** Hoà hoãn Đông – Tây trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế.
- B.** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta từng bước xói mòn về kinh tế.
- C.** Các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới đã chấm dứt.
- D.** Cục diện đối đầu Đông – Tây diễn ra căng thẳng.

Câu 2. Bối cảnh lịch sử nào sau đây ở trong nước là nguyên nhân dẫn đến bùng nổ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

- A.** Việt Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.
- B.** Miền Bắc giải phóng, tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ cách mạng cả nước.
- C.** Miền Nam dưới ách thống trị của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm.
- D.** Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở Á, Phi và Mỹ Latinh.

Câu 3. Hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) đều được phát động trong điều kiện quốc tế nào sau đây?

- A.** Có sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa.
- B.** Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến hồi kết.
- C.** Quan hệ quốc tế đang có diễn biến phức tạp.
- D.** Xu thế toàn cầu hóa đã xuất hiện ở châu Âu.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không phải** là bối cảnh diễn ra cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

- A.** Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông - Tây đang diễn ra.
- B.** Cuộc Tổng tuyển cử tự do mới chỉ thực hiện được ở miền Bắc.
- C.** Pháp và Mỹ không thi hành đúng điều khoản Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- D.** Đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền theo Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 5. Một trong những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc những năm 1954 - 1957 là:

- A. Hoàn thành cải cách ruộng đất.
- B. Thực hiện cải tạo quan hệ sản xuất.
- C. Bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.
- D. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

Câu 6. Trong những năm 1958 – 1960, miền Bắc đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

- A. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.
- B. Tiếp tục tiến hành 6 đợt giảm tô, 4 đợt cải cách ruộng đất.
- C. Thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng" trên thực tiễn.
- D. Xóa bỏ hoàn toàn mọi áp bức, bất công trong xã hội.

Câu 7. Trong giai đoạn 1954 – 1958, nhân dân miền Nam thực hiện cuộc đấu tranh nào sau đây?

- A. Chống khủng bố, đàn áp, đòi độc lập dân tộc.
- B. Đòi Mỹ và Pháp thực hiện Hiệp định Pa-ri.
- C. Chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- D. Chống Ngô Đình Diệm, phát triển lực lượng cách mạng trên quy mô lớn.

Câu 8. Trong giai đoạn từ 1954 đến 1958, mục tiêu đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam Việt Nam là

- A. đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- B. xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang.
- C. chuẩn bị tổ chức các cuộc phản công quân sự.
- D. xây dựng các căn cứ địa ở nông thôn, rừng núi.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là hình thức đấu tranh chủ yếu chống chế độ Mỹ - Diệm của nhân dân miền Nam Việt Nam trong thời gian đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954)?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy.
- B. Đấu tranh chính trị hòa bình.
- C. Dùng bạo lực cách mạng.
- D. Đấu tranh cải lương.

Câu 10. Đặc điểm nổi bật nhất của Việt Nam sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết là

- A. Pháp rút khỏi miền Bắc, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.
- B. đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền với 2 chế độ chính trị khác nhau.
- C. Pháp chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút hết quân về nước.
- D. Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, Mỹ âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.

Câu 11. Đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975 là một Đảng lãnh đạo

- A. cả nước thực hiện cuộc cách mạng tư sản dân quyền.
- B. cả nước thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền đất nước.
- D. cả nước khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 12. Thực tiễn lịch sử nào là yếu tố quyết định nhân dân Việt Nam phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng trong thời kì 1954 - 1975?

- A. Đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.
- B. Đất nước hoàn toàn được giải phóng, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- C. Đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.
- D. Thực hiện chủ trương của Đảng đã được đề ra trong Cương lĩnh chính trị.

Câu 13. Vì sao trong thời kì 1954-1975 cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước?

- A. Miền Bắc làm hậu phương lớn cho chiến trường miền Nam đánh Mỹ.
- B. Miền Bắc trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- C. Thắng lợi của miền Bắc dẫn đến sự thất bại của Mỹ trên chiến trường.
- D. Miền Bắc có thời gian hòa bình để phát triển nhanh kinh tế - xã hội.

Câu 14. Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 1/1959) được triệu tập trong

bối cảnh

- A. tương quan lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.
- B. Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường khủng bố phong trào cách mạng.
- C. quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam.
- D. các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam đấu tranh thống nhất đất nước.

Câu 15. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) đã quyết định

- A. tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng các căn cứ địa.
- B. phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn miền Nam.
- C. để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng.
- D. phái lực lượng ra miền Bắc chở vũ khí vào Nam đánh Mỹ.

Câu 16. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 1/1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm vì

- A. phương pháp đấu tranh hòa bình không còn phù hợp.
- B. quân Giải phóng miền Nam đã được thành lập.
- C. Mỹ thay đổi chiến lược chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.
- D. mọi xung đột chỉ có thể được giải quyết bằng vũ lực.

Câu 17. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam lần thứ 15 (1-1959) có quyết định quan trọng nào sau đây?

- A. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang để giành chính quyền.
- B. Tiếp tục đấu tranh chính trị yêu cầu Mỹ thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- C. Đấu tranh chính trị chuẩn bị tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước.
- D. Chỉ sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

Câu 18. Trong giai đoạn 1954 - 1958 của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân miền Nam Việt Nam tập trung vào thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- B. Kết hợp đấu tranh chính trị hòa bình và khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền
- C. Chuyển từ đấu tranh chính trị tiến lên đồng khởi trên khắp các tỉnh miền Nam.
- D. Đấu tranh chính trị hòa bình để giữ gìn lực lượng, tổ chức tổng tuyển cử tự do.

Câu 19. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã đưa đến sự ra đời của

- A. Quân Giải phóng nhân dân miền Nam Việt Nam.
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Việt Nam.
- D. Chính phủ Liên hiệp miền Nam Việt Nam.

Câu 20. Hình thức chính quyền cách mạng được thành lập từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1960) của nhân dân miền Nam Việt Nam là

- A. những ủy ban nhân dân tự quản.
- B. Chính phủ dân chủ cộng hòa.
- C. các Xô viết công – nông – binh.
- D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Câu 21. Trong giai đoạn 1954 – 1960, sự kiện nào sau đây đánh dấu cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi.
- B. Thắng lợi của phong trào phá “áp chiến lược”, chống bình định.
- C. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- D. Thắng lợi của phong trào đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ.

Câu 22. Sự kiện nào sau đây trong giai đoạn 1954 - 1960 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Phong trào Đồng khởi.

B. Phong trào chống phá bình định.

C. Phong trào phá ấp chiến lược.

D. Phong trào "Ba sẵn sàng".

Câu 23. Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

B. Tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công của cách mạng miền Nam.

C. Bắt đầu chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ sang giai đoạn “vừa đánh vừa đàm”.

D. Buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 24. Nội dung nào sau đây **không phải** là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam?

A. Lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

B. Đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

C. Bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

D. Cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công.

Câu 25. Ý nghĩa lịch sử của phong trào Đồng khởi” ở miền Nam Việt Nam 1959 - 1960?

A. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam, làm thất bại chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

B. Làm lung lay toàn bộ hệ thống chính quyền Sài Gòn, mở đường cho sự phát triển của cách mạng miền Nam.

C. Là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên mở đường cho sự phát triển của chiến tranh cách mạng miền Nam.

D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 26. Với chiến thắng của phong trào “Đồng khởi”, quân và dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mỹ?

A. “Chiến tranh đặc biệt”.

B. “Việt Nam hoá chiến tranh”.

C. “Chiến tranh cục bộ”.

D. “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 27. Bài học kinh nghiệm nào sau đây từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có thể tiếp tục vận dụng hiệu quả trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

A. Kết hợp đấu tranh chính trị với binh vận, địch vận.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

C. Kết hợp vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.

D. Kết hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.

Câu 28. Điểm giống nhau cơ bản trong các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt nam hóa chiến tranh” của Mỹ thực hiện ở Việt Nam trong những năm 1954-1975) là gì?

A. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới.

B. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ.

C. loại hình chiến tranh tổng lực.

D. loại hình chiến tranh toàn diện.

Câu 29. Ở Việt Nam, Cách mạng tháng Tám (1945) và phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) có điểm giống nhau là

A. có sự kết hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang

B. phát triển từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa

C. phát triển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng

D. lực lượng vũ trang đóng vai trò quyết định thắng lợi

Câu 30. Nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc Việt Nam (1958 –

1960) là

- A. Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh B. Phát triển thành phần kinh tế tư nhân.
- C. Phát triển thành phần kinh tế hợp tác xã. D. Phát triển thành phần kinh tế có vốn nước ngoài.

Câu 31. Việc cải tạo quan hệ sản xuất ở miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1958 – 1960 được thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế, khâu chính là

- A. Hợp tác hoá công nghiệp. B. Hợp tác hoá thương nghiệp.
- C. Hợp tác hoá nông nghiệp. D. Hợp tác hoá ngân hàng.

Câu 32. Âm mưu cơ bản của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là biến Miền Nam thành

- A. khu kinh tế, khoa học mới. B. trung tâm hàng không của Mỹ.
- C. thuộc địa kiểu mới của Mỹ. D. nơi cung cấp nhân lực cho Mỹ.

Câu 33. Sau hiệp định Giơnevơ 1954 Miền Bắc của Việt Nam đã

- A. được hoàn toàn giải phóng. B. bị Mỹ và tay sai chiếm đóng.
- C. là thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ. D. tiến hành công nghiệp hoá kinh tế.

Câu 34. Sau năm 1954, cách mạng Miền Nam ở Việt Nam thực hiện nhiệm vụ

- A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng CNXH.
- C. đấu tranh vũ trang đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- D. Sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

Câu 35. Trong thời kỳ 1954 - 1975, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam Việt Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam vì cuộc cách mạng này

- A. bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- B. làm thất bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- C. trực tiếp xóa bỏ ách áp bức, bóc lột của địa chủ và tư sản miền Nam.
- D. trực tiếp đánh đổ ách thống trị của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Câu 36. Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965) ở miền Nam Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn **không** thực hiện biện pháp nào dưới đây?

- A. Triển khai hoạt động chống phá miền Bắc. B. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét.
- C. Mở những cuộc hành quân “tìm diệt”. D. Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

Câu 37. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965) ở miền Nam Việt Nam Mỹ đã

- A. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- B. sử dụng các chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận.
- C. mở rộng chiến tranh xâm lược sang Lào và Campuchia.
- D. tiến hành chiến dịch tràn ngập lãnh thổ.

Câu 38. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6-6-1969 là chính phủ

- A. đặc biệt của nhân dân miền Nam. B. hợp pháp của nhân dân miền Nam.
- C. bất hợp pháp của nhân dân Việt Nam. D. bí mật của nhân dân Việt Nam.

Câu 39. Một trong những điểm khác giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ là gì?

- A. Xây dựng các ấp chiến lược và khu trù mật.
- B. Dùng vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mỹ.
- C. Sử dụng thủ đoạn ngoại giao kết hợp với hỏa lực quân sự mạnh.
- D. Thay đổi âm mưu “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam”.

Câu 40. Chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ được tiến hành

- A. thông qua kế hoạch xây dựng hàng rào Mắc Na-ma-ra và hệ thống ấp chiến lược.
- B. thông qua chiến thuật trực thăng vận trên biển và xây dựng làng chiến đấu ở khu vực đồng bằng.
- C. dưới sự chỉ huy các tướng lĩnh chính quyền Sài Gòn, được tiến hành chủ yếu bằng quân đội Mỹ.

D. dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào trang bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật của Mỹ.

Câu 41. Trong những năm 1961 - 1965, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

A. “Chiến tranh đặc biệt”.

B. “Chiến tranh cục bộ”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

Câu 42. Kế hoạch nào sau đây được Mỹ thực hiện trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam?

A. Đờ lát đơ Tát-xi-nhi.

B. Nava.

C. Xta-lây Tay-lo.

D. Rơ-ve.

Câu 43. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1961-1965 có âm mưu cơ bản là

A. dùng người Việt đánh người Việt.

B. đưa quân chư hầu vào miền Nam.

C. mở rộng phá hoại miền Bắc.

D. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

Câu 44. Lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1961-1965) là

A. quân đội Sài Gòn.

B. quân viễn chinh Mỹ.

C. quân đồng minh Mỹ.

D. quân đội Anh.

Câu 45. “Áp chiến lược” được coi là “xương sống”, “quốc sách” của chiến lược chiến tranh nào Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam từ 1961-1965?

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh Cục bộ.

C. Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 46. Trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam, Mỹ đã sử dụng chiến thuật quân sự nào?

A. Dồn dân lập “ấp chiến lược”.

B. “Trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

C. Mở các cuộc hành quân “tìm diệt”.

D. "bình định" toàn bộ miền Nam.

Câu 47. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), quân dân miền Nam Việt Nam đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên 3 vùng chiến lược là

A. Rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

B. Trung du, đồng bằng, đô thị và biên giới.

C. Rừng núi, trung du, đồng bằng và hải đảo.

D. Trung du, rừng núi, nông thôn và hải đảo.

Câu 48. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), quân dân miền Nam Việt Nam đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn bằng 3 mũi giáp công là

A. quân sự, chính trị, ngoại giao.

B. quân sự, chính trị, binh vận.

C. quân sự, binh vận, ngoại giao.

D. Quân sự, chính trị, thương lượng.

Câu 49. Năm 1961, tổ chức nào sau đây đã ra đời ở miền Nam Việt Nam?

A. Quân đội Nhân dân giải phóng miền Nam.

B. Quân đội Giải phóng Việt Nam.

C. Giải phóng quân miền Nam.

D. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 50. Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả và thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài.

B. Hệ thống ấp chiến lược của Mỹ ở đô thị bị phá hủy.

C. Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị phát triển mạnh.

D. Phong trào phá ấp chiến lược diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt.

Câu 51. Cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo và “đội quân tóc dài” là hoạt động đấu tranh chính trị tiêu biểu

của quân dân miền Nam Việt Nam chống chiến lược chiến tranh nào của Mỹ từ 1961 - 1965?

- A. “Chiến tranh đơn phương”. B. “Chiến tranh đặc biệt”.
C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 52. Thắng lợi nào là thắng lợi mở đầu trên mặt trận quân sự của quân dân ta trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mỹ?

- A. Bình Giã (Bà Rịa). B. Ấp Bắc (Mĩ Tho).
C. Mỏ Cày (Bến Tre). D. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

Câu 53. Trên mặt trận quân sự, chiến thắng nào của quân dân ta đã mở ra khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) của Mỹ?

- A. Bình Giã (Bà Rịa). B. Ba Gia (Quảng Ngãi).
C. Đồng Xoài (Biên Hoà). D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 54. Chiến thắng nào đã bước đầu đánh bại chiến thuật quân sự “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965)?

- A. Chiến thắng Bình Giã. B. Chiến thắng Đồng Khởi.
C. Chiến Thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Ấp Bắc.

Câu 55. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam Việt Nam góp phần làm phá sản chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965) của Mỹ là

- A. Đoàn Hùng. B. Đông Khê. C. Thất Khê. D. Ba Gia.

Câu 56. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam Việt Nam trong những năm 1961-1965 đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ?

- A. Ấp Bắc - Mĩ Tho. B. Bình Giã - Bà Rịa
C. An Lão - Bình Định. D. Đồng Xoài- Bình Phước.

Câu 57. Những chiến thắng nào làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

- A. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài. B. Núi Thành, Ba Gia, Đồng Xoài.
C. Ba Gia, Đồng Xoài, Vạn Tường. D. An Lão, Ba Gia, Phước Long.

Câu 58. Để tạo cơ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất năm 1965, Mỹ đã sử dụng thủ đoạn nào?

- A. Dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. B. Hoạt động khiêu khích ở đảo Cồn Cỏ.
C. Buộc tội miền Bắc chi viện cho miền Nam. D. Tổ cáo miền Bắc xâm lược miền Nam.

Câu 59. Đâu **không** phải là nguyên nhân khiến Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất (1965-1968)?

- A. Đe phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc
B. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc cho miền Nam
C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ở hai miền đất nước
D. Tạo ưu thế cho cuộc đàm phán ngoại giao giữa Mĩ và Việt Nam.

Câu 60. Từ năm 1954 đến năm 1967, quân dân miền Nam chủ yếu tiến hành kháng chiến chống Mỹ trên hai mặt trận nào sau đây?

- A. Quân sự, địch vận. B. Chính trị, văn hóa.
C. Quân sự, ngoại giao. D. Chính trị, quân sự.

Câu 61. Trong những năm 1965 – 1968, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh đặc biệt. B. Chiến tranh cục bộ.
C. Việt Nam hóa chiến tranh. D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 62. Chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ được tiến hành

- A. chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đội các nước thuộc lực lượng Đồng minh.
- B. chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- C. nhằm thay thế chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh.
- D. sau khi Mỹ thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 63.. Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ được tiến hành

- A. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn và quân đội Mỹ.
- B. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn và quân đội đồng minh của Mỹ.
- C. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, do chính quyền Mỹ trực tiếp chỉ huy.
- D. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp với lực lượng của Mỹ.

Câu 64. Điểm khác biệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 - 1968 so với giai đoạn 1961 - 1965 là:

- A. Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh mới.
- B. Cả nước trực tiếp tiến hành cuộc kháng chiến.
- C. Mỹ thực hiện "dùng người Việt trị người Việt".
- D. Chính quyền Sài Gòn tăng cường càn quét lực lượng cách mạng.

Câu 65. Chiến dịch quân sự lớn nhất của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ (1965 - 1968) là:

- A. Thắng lợi trong trận Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài.
- B. Phong trào biểu tình đòi Mỹ rút quân về nước diễn ra mạnh mẽ.
- C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 trên toàn miền Nam.
- D. Quân đội Mỹ mở hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt", "bình định".

Câu 66. Trong giai đoạn 1965 - 1968, chiến thắng quân sự nào sau đây đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ?

- A. Chiến thắng Núi Thành.
- B. Chiến thắng Vạn Tường.
- C. Chiến thắng hai mùa khô.
- D. Chiến thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

Câu 67. Trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam (1954 – 1975), chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ có điểm gì khác biệt với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

- A. Âm mưu lâu dài.
- B. Lực lượng thực hiện chủ yếu.
- C. Loại hình chiến tranh.
- D. Bối cảnh Chiến tranh lạnh.

Câu 68. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam Việt Nam đã mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968)?

- A. Vạn Tường.
- B. Ấp Bắc.
- C. Núi Thành.
- D. Bình Giã.

Câu 69. Chiến thắng nào được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mỹ, mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam Việt Nam?

- A. Bình Giã.
- B. Đồng Khởi.
- C. Vạn Tường.
- D. Ấp Bắc.

Câu 70. Thắng lợi nào sau đây đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mỹ ở Việt Nam?

- A. Phong trào Đồng khởi.
- B. Chiến dịch Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng Mậu Thân 1968.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 71. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam, đấu tranh ngoại giao được nâng lên thành mặt trận khi

- A. Mỹ đang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- B. Mỹ đang thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.
- C. Mỹ đang tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
- D. Mỹ đang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

- Câu 72.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) của quân dân miền Nam Việt Nam đã buộc Mỹ
- A. tuyên bố "Mỹ hóa" chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam.
 - B. kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
 - C. chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 - D. rút toàn bộ quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam.
- Câu 73.** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), thắng lợi nào của quân dân Việt Nam buộc Mỹ phải tuyên bố "phi Mỹ hóa" chiến tranh ?
- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (1972).
 - B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân (1975).
 - C. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân (1968).
 - D. Chiến thắng ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.
- Câu 74.** Một trong những ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam Việt Nam là
- A. buộc Pháp chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 - B. buộc Mỹ chấp nhận bàn đàm phán với ta tại Pari.
 - C. buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.
 - D. mở ra cơ hội cho Việt Nam gia nhập khối Asean.
- Câu 75.** Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968 của quân dân Việt Nam, Mỹ tuyên bố "phi Mỹ hóa" chiến tranh tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược
- A. Chiến tranh một phía.
 - B. Chiến tranh đặc biệt.
 - C. Chiến tranh cục bộ.
 - D. Việt Nam hóa chiến tranh.
- Câu 76.** Phong trào đấu tranh chính trị của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" (1965-1968) của Mỹ đòi
- A. Mỹ thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
 - B. quyền tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình.
 - C. Mỹ rút về nước và đòi tự do dân chủ.
 - D. chống sự đàn áp của chính quyền Diệm.
- Câu 77.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?
- A. Tạo bước ngoặt trực tiếp làm thay đổi cục diện chiến tranh.
 - B. Là thắng lợi quân sự lớn nhất của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
 - C. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chúng phải thay đổi chiến lược.
 - D. Buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- Câu 78.** Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, các cuộc hành quân chủ yếu trong mùa khô 1965-1966 của Mỹ và quân đội Sài Gòn nhằm vào hai hướng chính là
- A. Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
 - B. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
 - C. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
 - D. Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.
- Câu 79.** Mỹ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi đang thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?
- A. Chiến tranh đặc biệt.
 - B. Chiến tranh cục bộ
 - C. Việt Nam hóa chiến tranh
 - D. Đông Dương hóa chiến tranh.
- Câu 80.** Tổ chức chính trị trực tiếp lãnh đạo cách mạng miền Nam Việt Nam từ năm 1969 là
- A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
 - B. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
 - C. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam
 - D. Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- Câu 81.** Sự kiện chính trị nào đã biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống

Mĩ trong giai đoạn 1969 – 1973?

- A. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia
- B. Hội nghị bộ trưởng ba nước Đông Dương
- C. Liên minh chống Mỹ được thành lập
- D. Phối hợp phản công giữa quân đội Việt Nam với quân dân Lào và Campuchia.

Câu 82. Con đường vận tải chiến lược Bắc - Nam của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là

- A. Đường số 4
- B. Đường số 9
- C. Đường số 14
- D. Đường Hồ Chí Minh.

Câu 83. Cuộc tiến công nào của quân dân miền Nam Việt Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu thân 1968
- B. Cuộc phản công Lam Sơn 719 năm 1971
- C. Tiến công chiến lược năm 1972
- D. Điện Biên Phủ trên không năm 1972.

Câu 84. Hướng tiến công chủ yếu của quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trong năm 1972 là

- A. Tây Nguyên
- B. Đông Nam Bộ
- C. Liên khu V
- D. Quảng Trị.

Câu 85. Ngày 16-4-1972 ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng gì?

- A. Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc liên khu V.
- B. Mĩ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai
- C. Mĩ cho phong tỏa toàn bộ các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc
- D. Mĩ đánh phá cảng Hải Phòng.

Câu 86. Loại vũ khí tối tân nào đã được Mĩ sử dụng chủ yếu trong cuộc tập kích chiến lược đường không vào miền Bắc Việt Nam cuối năm 1972?

- A. Máy bay B52
- B. Máy bay F111
- C. Máy bay MIG- 21
- D. Máy bay MIG- 19.

Câu 87. Thắng lợi nào của quân dân miền Bắc Việt Nam được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”?

- A. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai
- B. Đánh thắng cuộc tập kích chiến lược đường không của Mĩ cuối năm 1972
- C. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất
- D. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Câu 88. Điều **không** phải là lý do để Bộ chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định chọn Tây Nguyên hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?

- A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược cả ta và địch đều cố nắm giữ
- B. Cơ sở quần chúng của ta ở Tây Nguyên vững chắc
- C. Do sự bố phòng sơ hở của quân đội Sài Gòn
- D. Do Tây Nguyên là căn cứ quân sự lớn nhất và là điểm yếu nhất của quân đội Sài Gòn.

Câu 89. Điểm độc đáo trong thời điểm mở màn cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân (1968) của quân dân Việt Nam là

- A. Tiến công vào Bộ tham mưu quân đội Sài Gòn
- B. Mở đầu cuộc tiến công vào đêm giao thừa
- C. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất
- D. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch tại Sài Gòn.

Câu 90. Sự kiện ngoại nào giữa các cường quốc trong những năm 1969-1973 đã có tác động tiêu cực đến cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Việt Nam?

- A. Năm 1972, Mĩ và Liên Xô đã kí thỏa thuận về hạn chế vũ khí chiến lược.

B. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức năm 1972.

C. Tổng thống Mĩ Ních- xon sang thăm Trung Quốc năm 1972.

D. Năm 1973, Nhật Bản bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Câu 91. Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (1945-1975), điểm giống nhau cơ bản giữa chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 với trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là

A. đều dẫn tới kí kết một hiệp định hòa bình

B. đều có chung kẻ thù chính là đế quốc Mĩ

C. đều tiêu diệt được một bộ phận sinh lực Mĩ.

D. đều làm phá sản các kế hoạch, chiến lược chiến tranh của kẻ thù.

Câu 92. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi lớn theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam từ sau sự kiện nào sau đây?

A. Chiến dịch Đường 9 – Khe Sanh (1969).

B. Chiến dịch Phước Bình – Bù Đốp (1969).

C. Đàm phán bốn bên tại Hội nghị Pa-ri (1969).

D. Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973).

Câu 93. Nội dung nào sau đây **không phải** là thành tựu của miền Bắc giai đoạn 1973-1975?

A. Khôi phục các cơ sở kinh tế, hệ thống thủy nông, giao thông vận tải.

B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của không quân Mỹ.

C. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp có một số ngành vượt mức năm 1971.

D. Tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 94. Sau hiệp định Pari năm 1973, tương quan lực lượng trên chiến trường miền Nam Việt Nam có sự thay đổi như thế nào?

A. Có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam

B. Có lợi cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa

C. Tạo nên sự cân bằng trong so sánh tương quan lực lượng

D. Kiểm chế sự phát triển của quân Giải phóng miền Nam.

Câu 95. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam được Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 7 - 1973) xác định là gì?

A. Giải phóng miền Nam trong năm 1975

B. Chỉ đấu tranh chính trị để thống nhất đất nước

C. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

D. Tiến hành cuộc cách mạng ruộng đất.

Câu 96. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ Chính Trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra kế hoạch

A. tổng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1976.

B. giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

C. giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 - 1976.

D. tranh thủ thời cơ giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Câu 97. Phương châm tác chiến của bộ đội Việt Nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”

B. “Đánh chắc, tiến chắc”

C. “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”

D. “Đánh điểm diệt viện”.

Câu 98. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn là

A. Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh. B. Huế, Tây Nguyên – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

C. Huế – Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

Câu 99. Một trong những nét nổi bật về đường lối của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

A. tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc và cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam.

- C. thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.
- D. tiến hành cách mạng chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa.

Câu 100. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hậu phương miền Bắc đã có vai trò nào sau đây?

- A. Tiền tuyến lớn, hậu phương lớn.
- B. Chi viện lập tức và đầy đủ mọi yêu cầu của miền Nam.
- C. Đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
- D. Trực tiếp sản xuất và bảo đảm mọi nhu cầu vũ khí cho chiến trường.

Câu 101. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi gắn liền với

- A. tinh thần chiến đấu của của nhân dân Đông Nam Á.
- B. sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô.
- C. sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của nhân dân các nước Đông Nam Á.
- D. sự phối hợp chiến đấu của quân đội các nước Đông Nam Á.

Câu 102. Nghệ thuật quân sự nổi bật và xuyên suốt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. thực hiện vừa đánh, vừa đàm. B. tiến hành chiến tranh nhân dân.
- C. kết hợp quân sự với ngoại giao. D. chủ trương lấy ít địch nhiều.

Câu 103. Trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Mỹ đã lần lượt thực hiện các chiến lược chiến tranh là

- A. cục bộ, đặc biệt, Việt Nam hoá chiến tranh.
- B. đặc biệt, cục bộ, Việt Nam hoá chiến tranh.
- C. đơn phương, cục bộ, Việt Nam hoá chiến tranh.
- D. đơn phương, đặc biệt, Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 104. Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, quân viễn chinh Mỹ đóng vai trò chủ lực trong giai đoạn nào sau đây?

- A. 1954-1960. B. 1969-1973. C. 1968-1972. D. 1965-1968.

Câu 105. Bài học kinh nghiệm nào sau đây từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có thể tiếp tục vận dụng hiệu quả trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

- A. Kết hợp đấu tranh chính trị với binh vận, địch vận.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Kết hợp vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.
- D. Kết hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.

Câu 106. Điểm giống nhau cơ bản giữa nghị quyết 15(1-1959) và nghị quyết 21(7-1973) của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam là

- A. Xác định kẻ thù là Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu
- B. Khẳng định con đường bạo lực cách mạng
- C. Đấu tranh trên cả 3 mặt trận: chính trị- quân sự- ngoại giao.
- D. Kiên quyết nắm vững chiến lược tiến công.

Câu 107. Hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) đều được phát động trong điều kiện quốc tế như thế nào?

- A. Có sự đồng thuận của phe xã hội chủ nghĩa B. Cục diện hai cực, hai phe bao trùm thế giới
- C. Được sự nhất trí của Liên Xô và Trung Quốc D. Đang có sự hòa hoãn giữa các cường quốc.

Câu 108. Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (1945-1975), chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và chiến dịch HCM năm 1975 đều

- A. có sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến
- C. tiêu diệt mọi lực lượng của đối phương D. là những trận quyết chiến chiến lược.

Câu 109. Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam (1945-1975), chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có điểm gì khác về hình thức tiến công so với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)?

- A. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng chính trị.
- B. Là cuộc tiến công quân sự đồng loạt của lực lượng vũ trang trên tất cả các mặt trận.
- C. Là sự phối hợp chiến đấu của các quân chủng, binh chủng có sự hỗ trợ của lực lượng biệt động.
- D. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang với phong trào nổi dậy của quần chúng.

Câu 110. Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

- A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống của dân tộc với sức mạnh hiện tại
- B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi
- C. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao
- D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Câu 111. Nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

- A. Lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ tiến công
- B. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng
- C. Kết hợp tiến công và khởi nghĩa của lực lượng vũ trang
- D. Kết hợp đánh thắng nhanh và đánh chắc, tiến chắc

Câu 112. Điểm chung về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) và chống Mỹ (1954 -1975) là

- A. Kết hợp tiến công của bộ đội chủ lực và nổi dậy của nhân dân.
- B. Kết hợp đấu tranh trên hai mặt trận quân sự và ngoại giao.
- C. Kết hợp khởi nghĩa từng phần với chiến tranh cách mạng.
- D. Giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

Câu 113. Điểm khác biệt của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 – 1973) so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mĩ là gì?

- A. Là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.
- B. Có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.
- C. Đặt dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.
- D. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu.

Câu 114. Di tích lịch sử nào của tỉnh Hà Tĩnh từng là một trong những trọng điểm bắn phá của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965-1968)?

- A. Nghĩa trang Trường Sơn
- B. Ngã ba Đồng Lộc
- C. Sông Thạch Hãn.
- D. Ngã ba Nghèn.

Câu 115. Nguyên nhân khách quan đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975) là

- A. sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng.
- B. truyền thống yêu nước, đoàn kết chiến đấu của nhân dân.
- C. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc đáp ứng yêu cầu cách mạng.
- D. tinh thần đoàn kết, sự phối hợp chiến đấu của ba nước Đông Dương.

Câu 116. Nội dung nào sau đây **không** phải nguyên nhân chủ quan đưa đến sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975)?

- A. Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng.
- B. Truyền thống yêu nước, đoàn kết chiến đấu của nhân dân.
- C. Vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc đáp ứng yêu cầu cách mạng.
- D. Sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 117. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) kết thúc thắng lợi đã

- A. cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vũ trang ở các nước Đông Nam Á.
- B. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.
- C. tạo điều kiện để cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới

Câu 118. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc?

- A. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).
- B. Trận “Điện Biên Phủ trên không” (năm 1972).
- C. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ (năm 1954).

Câu 119. Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam vì đã

- A. tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. có sự lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng.
- C. lãnh đạo xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh.
- D. đã kết hợp sức mạnh toàn dân tộc với sức mạnh của thời đại

Câu 120. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc vì đã

- A. giáng đòn mạnh mẽ vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa thực dân.
- B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự thế giới hai cực Ianta.
- C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lý sâu sắc đối với các cựu binh Mỹ.
- D. dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - trầm trọng ở Mỹ.

Câu 121. Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) cho thấy: Hậu phương của chiến tranh nhân dân

- A. không thể phân biệt rạch ròi với tiền tuyến chỉ bằng yếu tố không gian.
- B. ở phía sau và phân biệt rạch ròi với tiền tuyến bằng yếu tố không gian.
- C. luôn ở phía sau và bảo đảm cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến.
- D. là đối xứng của tiền tuyến, thực hiện nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến.

Câu 122. Thực tiễn 30 năm tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975) của nhân dân Việt Nam cho thấy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân là

- A. thực hiện toàn diện kháng chiến và tự lực cánh sinh.
- B. đoàn kết toàn dân thông qua mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng chính trị quyết định.
- D. toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang làm quyết định.

Câu 123. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) và cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939-1945) ở Việt Nam có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa hậu phương và tiền tuyến.
- B. Là các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.
- C. Từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng.
- D. Mang tính chất cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 124. Ở Việt Nam, cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (1945-1975) có điểm khác biệt nào sau đây so với Cách mạng tháng Tám (1945)?

- A. Diễn ra trên cả hai địa bàn chiến lược nông thôn và thành thị.

- B. Đi từ thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.
- C. Có sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.
- D. Xây dựng được những cơ sở để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 125. Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mĩ (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi

- A. đã đưa dân tộc Việt Nam vào hàng ngũ các nước tiên phong trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc.
- B. đã đã có sự phối hợp chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương.
- C. là kết quả thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao của nhân dân ta.
- D. đã thể hiện sinh động nghệ thuật lấy ít địch nhiều, chớp thời cơ giành thắng lợi quyết định của Đảng.

Câu 126. Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ (1945-1975) của nhân dân Việt Nam đã chứng minh tư tưởng quân sự truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?

- A. Tích cực, chủ động phòng ngự tại các vị trí trọng yếu.
- B. Tư tưởng xuyên suốt là phòng ngự đi đôi với phản công.
- C. Chỉ tiến công vào các vị trí quan trọng về chiến lược.
- D. Tư tưởng chiến lược chủ đạo là chủ động tiến công địch.

PHẦN 2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho bảng dữ kiện sau đây về một số thành tựu của miền Bắc trong khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957), trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Nông nghiệp	Năm 1956, miền Bắc sản xuất được 4 triệu tấn thóc, bình quân đầu người đạt 304 kg, cao gấp nhiều lần so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Nạn đói cơ bản được giải quyết.
Công nghiệp	Khôi phục và mở rộng sản xuất tại Nhà máy Dệt Nam Định, Nhà máy Xi măng Hải Phòng, các mỏ than ở Quảng Ninh,...; xây dựng các nhà máy cơ khí, diêm (Hà Nội)...
Thủ công nghiệp và thương nghiệp	Các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, nông cụ, được chủ trọng sản xuất; hệ thống mậu dịch và hợp tác xã mua bán mở rộng.
Giao thông vận tải	Khôi phục được gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn ki-lô-mét đường bộ; xây dựng và mở rộng nhiều bến cảng ở Hải Phòng, Quảng Ninh,...; đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

- a. Miền Bắc đạt nhiều thành tựu trong khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957).
- b. Lĩnh vực kinh tế của miền Bắc có những biến đổi mạnh mẽ trong giai đoạn 1954-1957.
- c. Trong giai đoạn 1954 – 1957, miền Bắc đã hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- d. Miền Bắc đã hoàn thành công nghiệp hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn 1954 – 1957.

Câu 2. Cho bảng dữ kiện sau đây về kết quả của miền Bắc trong chống chiến tranh phá hoại của Mỹ và chi viện cho chiến trường từ năm 1964 đến năm 1975, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Nội dung	Thời gian	Thành tựu
----------	-----------	-----------

Chi viện cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong cho chiến trường.	1965-1968	Hơn 30 vạn người
	1972	Hơn 22 vạn bộ đội
	1973-1974	Gần 22 vạn người
	Hai tháng đầu năm 1975	Hơn 57 vạn bộ đội
Bắn rơi máy bay Mỹ trong hai cuộc chiến. tranh phá hoại	1964-1968 (lần 1)	3 243 chiếc
	1972-1973 (lần 2)	735 chiếc
Bắn cháy, bắn chìm tàu chiến, tàu biệt kích Mỹ trong hai cuộc chiến tranh phá hoại	1964-1968	143 chiếc
	1972 1973	125 chiếc

- Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc trở thành hậu phương của miền Nam, Lào và Cam-pu-chia.
- Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc đã chi viện đầy đủ và đóng vai trò quyết định trực tiếp đối với mọi thắng lợi trên chiến trường miền Nam.
- Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc chi viện to lớn cho chiến trường, đồng thời đạt được nhiều kết quả trong chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Để quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã trắng trợn phá bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, mở các chiến dịch "tổ cộng, diệt cộng" bằng cái gọi là sức mạnh của quân lực cộng hoà,...

... Để bảo vệ sinh mạng và quyền lợi cơ bản của mình, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng không có con đường nào khác là phải đứng lên đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà".

(Lê Mậu Hãn, *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.294)

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, Pháp dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm cốt là để trì hoãn việc thống nhất đất nước ở Việt Nam.
- Từ thực tiễn đất nước và sự phá hoại của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nếu chỉ sử dụng hình thức đấu tranh hòa bình sẽ không thể thống nhất Tổ quốc.
- Đặc điểm lớn nhất và độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam (1954 - 1975) là một đảng thống nhất lãnh đạo cả nước thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ chiến lược.
- Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi đã hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đồng thời mở ra kỉ nguyên mới cho cả dân tộc.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

" Trong bối cảnh đó, tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được tiến hành tại Hà Nội. Hội nghị phân tích đặc điểm tình hình mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của xã hội miền Nam từ sau kháng chiến chống Pháp kết thúc. Hội nghị chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân". "

(Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 3, NXB Giáo dục, tr.165)

a. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam diễn ra vào tháng 1 – 1959, tại Hà Nội.

b. Phương pháp cách mạng của nhân dân miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

c. Phương thức đấu tranh cơ bản của cách mạng miền Nam là đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang.

d. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là đánh đổ quyền thống trị của đế quốc, tư sản dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Câu 5. Đọc các đoạn tư liệu sau:

“Ngày 2-1-1963, địch sử dụng khoảng 7 tiểu đoàn bộ binh, kể cả lính dù, cùng hàng chục xe tăng lội nước M.113, tàu chiến và hơn 20 máy bay tiến công vào Ấp Bắc (xã Tân Phú Trung, Cai Lậy, Mỹ Tho). Đây là địa bàn chiến lược nằm ở trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long.

Quán triệt phương châm bám sát trận địa, chờ khi địch tiến sát bộ đội ta mới nổ súng. Suốt một ngày tiến công, các mũi tiến công của địch từ nhiều hướng vào Ấp Bắc đều bị bẻ gãy.”

(Tiến trình lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục, năm 2003, tr.340.)

a. Thủ đoạn của Mỹ khi đánh vào Ấp Bắc đã dùng chiến thuật quân sự trực thăng vận”, “ thiết xa vận”.

b. Chiến thắng Ấp Bắc của quân dân ta đã làm phá sản hoàn toàn “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

c. Chiến thắng Ấp Bắc của quân dân ta đã mở ra khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

d. Cuộc tấn công vào Ấp Bắc ở miền Nam Việt Nam nằm trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

BÀI 9: CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Chiến tranh lạnh ở giai đoạn đỉnh cao, quan hệ Mỹ – Trung căng thẳng.

B. Xu thế đa cực đã xác lập, quan hệ Mỹ – Xô – Trung trở lại bình thường.

C. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều biến động và ngày càng phức tạp.

D. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây tiếp tục diễn ra, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều yếu tố phức tạp.

Câu 2. Ý nào sau đây là bối cảnh trong nước của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 ở Việt Nam?

A. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra.

B. Đất nước mới chỉ giải phóng được miền Bắc.

C. Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. Quan hệ giữa các nước lớn ẩn chứa nhiều phức tạp.

Câu 3. Sau khi lên nắm quyền (4/1975), tập đoàn Pôn Pôt – Iêng Xa-ri – Khiêu Xăm-phon đã có hành động nào sau đây?

A. Tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

B. Tiến hành các hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.

C. Ủng hộ, giúp đỡ công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam.

D. Liên kết với các nước Đông Nam Á để chống lại Trung Quốc.

Câu 4. Trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến năm 1979, cuộc chiến đấu ở biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Đánh đổ phát xít.

B. Đánh đổ phong kiến.

C. Bảo vệ Tổ quốc.

D. Giải phóng dân tộc.

Câu 5. Trong những năm 1976-1986, nhân dân Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

A. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

B. Kháng chiến chống Pháp.

C. Đấu tranh giành chính quyền.

D. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

Câu 6. Cuối năm 1978, Pôn Pốt đã huy động nhiều sư đoàn bộ binh

- A. tiến đánh Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam
- B. tiến đánh Tây Nguyên, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.
- C. đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Hòn Mê thuộc lãnh thổ Việt Nam.
- D. đánh chiếm đảo Thổ Chu và khu vực Đông Nam Bộ Việt Nam.

Câu 7. Quân đội nhân dân Việt Nam đã hành động như thế nào trước cuộc tấn công của quân Pôn Pốt cuối năm 1978

- A. Mở các cuộc phản công và dừng lại ở biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia.
- B. Tổ chức phản công, đánh bật lực lượng Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ.
- C. Đàm phán ngoại giao, lên án hành động xâm lược của Pôn Pốt.
- D. Tích cực đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.

Câu 8. Sự kiện nào sau đây diễn ra vào ngày 17-2-1979?

- A. Trung Quốc lần chiếm nhiều vùng đất đai ở khu vực biên giới phía đông bắc của Việt Nam.
- B. Trung Quốc điều động 23 sư đoàn cùng pháo binh, xe tăng, máy bay, tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.
- C. Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, dọc biên giới phía bắc.
- D. Trung Quốc huy động quân đội tấn công dọc biên giới Việt Nam từ Hải Phòng đến Lai Châu.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 – 1989)?

- A. Nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,...
- B. Toàn bộ lực lượng quân đội chính quy được huy động lên biên giới.
- C. Dư luận trong nước phản đối mạnh mẽ hành động xâm lược của Trung Quốc.
- D. Quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.

Câu 10. Khi quân đội Trung Quốc tấn công lãnh thổ Việt Nam năm 1979, nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở

- A. Cao Bằng, Bắc Cạn, Điện Biên.
- B. Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai.
- C. Lào Cai, Quảng Ninh, Hải Phòng.
- D. Lào Cai, Lạng Sơn, Sơn La.

Câu 11. Trong giai đoạn 1984 – 1989, địa bàn nào sau đây tiếp tục là chiến trường ác liệt giữa quân đội Việt Nam và Trung Quốc?

- A. Khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- B. Một số huyện ở các tỉnh Lào Cai, Điện Biên.
- C. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Cao Bằng.
- D. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Câu 12. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam trong những năm 1979 - 1989, diễn ra trên những địa bàn nào sau đây?

- A. Trên toàn tuyến biên giới đất liền của lãnh thổ Việt Nam.
- B. Chủ yếu ở các tỉnh thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng.
- C. Các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Hà Nội, Hải Phòng, Lai Châu.
- D. Các tỉnh biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

Câu 13. Một trong những điểm giống nhau giữa cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc là

- A. bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc.
- B. đều chống lại kẻ thù là quân Trung Quốc.
- C. đều chống lại kẻ thù là quân Pôn Pốt.
- D. đều mở ra bước ngoặt mới trong lịch sử dân tộc.

Câu 14. Một trong những hành động thực thi chủ quyền của Chính phủ Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

- A. quân sự hoá các đảo.
- B. xây dựng bia chủ quyền.
- C. xây dựng các căn cứ quân sự.
- D. Làm đồng minh với Mỹ.

Câu 15. Một trong những hành động thực thi chủ quyền của Chính phủ Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

- A. thường xuyên tiến hành tập trận quân sự với Mỹ.
- B. thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.
- C. đã tiến hành quân sự hoá các đảo lớn.
- D. cho Mỹ thuê lại các bến cảng ở Trường Sa.

Câu 16. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua việc

- A. thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa

- B. thành lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải và Trường Đà
 C. cho hoàn thiện tập Đại Nam nhất thống toàn đồ
 D. cử thủy quân ra tuần tra đảo định kì hàng năm
- Câu 17.** Các cuộc chiến đấu anh dũng của lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia trong năm 1988 đã diễn ra ở các đảo
 A. Cô Tô, Cát Bà. B. Côn Đảo, Phú Quốc.
 C. Gạc Ma, Cô Lin. D. An Bang, Hòn Tre.
- Câu 18.** Trong quá trình bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông, Việt Nam đã luôn kiên định con đường
 A. bảo vệ vững chắc chủ quyền và lợi ích khu vực.
 B. đấu tranh bằng mọi biện pháp, không đàm phán.
 C. đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế.
 D. bảo vệ hoà bình, phù hợp với luật pháp khu vực và quốc tế.
- Câu 19.** Việt Nam đã làm gì khi Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương-981 đến hoạt động trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam năm 2014?
 A. Kêu gọi Trung Quốc và các nước trong khu vực kiềm chế, tiến đến đàm phán ngoại giao.
 B. Kêu gọi Trung Quốc tôn trọng luật pháp khu vực và quốc tế, đẩy mạnh đấu tranh quân sự.
 C. Tăng cường lực lượng trên toàn Biển Đông, khiến quân đội Trung Quốc chịu nhiều thiệt hại.
 D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao.
- Câu 20.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay?
 A. Tạo điều kiện thuận lợi mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.
 B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.
 C. Góp phần bảo vệ hoa bình của tổ chức ASEAN và Cộng đồng ASEAN.
 D. Thể hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu của các nước Đông Dương.
- Câu 21.** Với thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, Việt Nam cũng đã
 A. thể hiện tinh thần đoàn kết với tổ chức ASEAN.
 B. thể hiện tinh thần đoàn kết trong sáng với Trung Quốc.
 C. làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và Cam-pu-chia.
 D. làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Cam-pu-chia.
- Câu 22.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975 ?
 A. Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam và các thế lực thù địch.
 B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.
 C. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai
 D. Tạo điều kiện thuận lợi mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Châu Á.
- Câu 23.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa quốc tế của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975 ?
 A. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia.
 B. Góp phần bảo vệ nền hoà bình ở Đông Dương.
 C. Làm nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Cam Pu Chia.
 D. Góp phần bảo vệ nền hoà bình ở khu vực Đông Nam Á.
- Câu 24.** Việc khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước sẽ góp phần
 A. tạo nên động lực to lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.
 B. tạo ra mục tiêu về chính trị, xã hội của các tổ chức, đoàn thể trong xã hội hiện tại.
 C. đưa đến sự hình thành nhiều tổ chức mặt trận dân tộc có phạm vi rộng rãi.
 D. đưa đến sự phát triển nhanh chóng về sức mạnh giai cấp và thời đại.
- Câu 25.** Một số bài học kinh nghiệm trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay là
 A. phát huy sức mạnh của công nhân; đoàn kết với giai cấp khác.
 B. phát huy tinh thần yêu nước; củng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc.
 C. phát huy sức mạnh của các đảng phái; tăng cường vai trò của các đoàn thể.
 D. đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố phe xã hội chủ nghĩa.
- Câu 26.** Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, khối đại đoàn kết dân tộc đóng vai trò
 A. là động lực phấn đấu của mỗi cá nhân.
 B. là mục tiêu chiến lược của các chiến dịch.

- C. là nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp.
D. là động lực chủ yếu của các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội.
- Câu 27.** Trong thời kì mới, việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc số góp phần
- A. phát huy sức mạnh giai cấp, bảo vệ quyền lợi công dân.
B. ổn định xã hội, phát huy sức mạnh của toàn dân.
C. ổn định xã hội, phát huy quyền làm chủ cá nhân.
D. phát huy nhanh chóng các giá trị di sản văn hoá.
- Câu 28.** Nội dung nào sau đây là biểu hiện của bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại?
- A. Áp dụng những đặc điểm của văn hoá toàn cầu.
B. Học tập mô hình văn hoá của các nước đang phát triển trên thế giới.
C. Duy trì bản sắc văn hoá dân tộc, chống lại sự xâm nhập của văn hoá ngoại lai.
D. Tranh thủ, tận dụng những xu thế mới từ bên ngoài.
- Câu 29.** Nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 vẫn có giá trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện nay là
- A. kết hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).
B. kết hợp lực lượng chính quy và địa phương, lực lượng toàn dân với lực lượng du kích.
C. kết hợp chặt chẽ hai đội quân (bộ đội chủ lực, bộ đội chính quy).
D. kết hợp giữa mặt trận chính diện và mặt trận hậu phương.
- Câu 30.** Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989) của quân dân Việt Nam thể hiện tính
- A. chính nghĩa. B. dân chủ. C. toàn diện. D. lâu dài.
- Câu 31.** Văn kiện nào sau đây được kí kết giữa các nước ASEAN và Trung Quốc nhằm duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông?
- A. Luật Biển Việt Nam. B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.
C. Luật Biên giới quốc gia. D. Tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam.
- Câu 32.** Văn kiện nào sau đây do Nhà nước Việt Nam ban hành, khẳng định chủ quyền của nước ta đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?
- A. Công ước Liên hợp quốc về Luật biển. B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.
C. Luật Cảnh sát biển Việt Nam. D. Hiến chương Liên hợp quốc.
- Câu 33.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những khó khăn của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp trên Biển Đông hiện nay?
- A. Sự bất đồng về quan điểm giữa các bên liên quan đến Biển Đông.
B. Lực lượng quân sự của ta quá yếu so với các nước Đông Nam Á.
C. Các Ủy viên thường trực của Liên hợp quốc đều ủng hộ Trung Quốc.
D. Thiếu các bằng chứng pháp lí để khẳng định chủ quyền ở Biển Đông.
- Câu 34.** Nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, biện pháp nào sau đây **không** được nhà nước Việt Nam áp dụng?
- A. Chủ động tấn công vũ trang. B. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo.
C. Đàm phán ngoại giao. D. Xây dựng lực lượng quản lý biển.
- Câu 35.** Đường lối xuyên suốt của Đảng ta từ năm 1945 đến nay là gì?
- A. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
C. Cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.
D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và thổ địa cách mạng.
- Câu 36.** Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của ta từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh được thể hiện chủ yếu thông qua
- A. hình thức chiến tranh. B. lực lượng tham gia.
C. mục đích chiến tranh. D. thành phần lãnh đạo.
- Câu 37.** Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, nước ta bước vào
- A. kỉ nguyên độc lập, đi lên chủ nghĩa xã hội.
B. kỉ nguyên thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
C. kỉ nguyên độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.
D. kỉ nguyên độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 38. Trong cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là

- A. nhân tố quyết định. B. nhân tố tác động. C. nhân tố quan trọng. D. yếu tố góp phần.

Câu 39. Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc?

- A. Huy động tối đa sức mạnh của toàn quân, toàn dân trong cả nước.
B. Tính chất là cuộc chiến tranh tự vệ chính đáng của Việt Nam.
C. Tư tưởng chiến lược chủ đạo là chủ động tiến công địch.
D. Mở ra cục diện vừa đánh, vừa đàm của cuộc chiến.

Câu 40. Nhân tố nào sau đây là nguồn sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ 1945 đến nay ?

- A. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh.
B. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Lao động Việt Nam.
C. Khối đại đoàn kết của toàn thể dân tộc Việt Nam.
D. Sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các lực lượng tiến bộ.

Câu 41. Tổ chức nào sau đây có vai trò đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền đất nước?

- A. Ban Chấp hành Trung ương. B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
C. Ban Tuyên giáo Trung ương. D. Ban Dân vận Trung ương.

Câu 42. Nguyên nhân mang tính truyền thống dẫn đến thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc là

- A. quân đội Trung Quốc yếu, lạc hậu. B. tinh thần yêu nước của dân tộc.
C. có sự ủng hộ giúp đỡ của quốc tế D. đoàn kết ba nước Đông Dương từ lâu.

Câu 43. Một trong những điều kiện cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là

- A. độc lập, tự do, dân chủ. B. hòa bình và hạnh phúc.
C. dân quyền và dân sinh. D. độc lập và thống nhất.

Câu 44. Một trong những điểm giống về nguyên nhân thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) và cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) là

- A. đoàn kết của ba nước Đông Dương. B. tinh thần yêu nước của nhân dân.
C. phong trào phản chiến của dân Mỹ. D. viện trợ to lớn của Liên Hợp quốc.

Câu 45. Một trong những bài học xuyên suốt, trở thành nhân tố cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến nay là

- A. kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
B. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
D. không ngừng củng cố và tăng cường khối đoàn kết dân tộc.

Câu 46. Hai cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc đều được phát động trong điều kiện quốc tế như thế nào?

- A. Có sự đồng thuận của phe xã hội chủ nghĩa. B. Được sự nhất trí của Liên Xô và Trung Quốc.
C. Đang có sự hoà hoãn giữa các cường quốc. D. Có những cuộc chiến tranh nóng ở châu Á.

PHẦN 2. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Trong cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc vào các tỉnh phía Bắc Việt Nam năm 1979, các thị xã Cao Bằng, Lạng Sơn, Cam Đường, Lào Cai gần như bị huỷ diệt hoàn toàn. Tổng cộng có 320 xã, 735 trường học, 41 nông trường, 81 xí nghiệp, hầm mỏ và 38 lâm trường bị tàn phá; 400 nghìn gia súc bị giết, bị cướp. Khoảng 50 % trong tổng số 3,5 triệu người ở 6 tỉnh biên giới bị mất nhà cửa, tài sản và phương tiện sinh sống.

a. Quân đội Trung Quốc đã phá huỷ toàn bộ công trình kinh tế, văn hoá ở miền Bắc Việt Nam.

b. Quân đội Trung Quốc đã gây ra tình trạng hỗn loạn quy mô lớn trên toàn bộ miền Bắc Việt Nam.

c. Nhiều đô thị ở các tỉnh biên giới phía bắc Việt Nam gần như bị huỷ diệt hoàn toàn trong cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc.

d. Quân đội Trung Quốc đã gây ra những thiệt hại nặng nề đối với các tỉnh biên giới phía bắc Việt Nam.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hoá mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), trích trong: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kì Đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.407)

- a. Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- b. Cần kết hợp kinh tế trong nước với kinh tế thế giới trong quá trình phát triển.
- c. Yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế sẽ đóng vai trò quyết định sự phát triển của đất nước.
- d. Trong thời đại ngày nay, càng cần phải kết hợp giữa yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế.

Câu 3. Cho bảng dữ kiện sau:

Thời gian	Nội dung
30-4-1977 đến 7-1-1979	Nhân dân Việt Nam chiến đấu chống cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam do tập đoàn Pôn pốt phát động.
17-2-1979 đến 5-3-1979	Nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc.
3/1988	Lực lượng hải quân nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ biển đảo khi quân Trung Quốc tấn công các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao.

- a. Sau tháng 4/1975, chính quyền Trung Quốc phát động cuộc tấn công đồng loạt trên phạm vi biên giới phía Bắc và Tây Nam của Việt Nam.
- b. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc sau tháng 4/1975 của nhân dân Việt Nam đã bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
- c. Trong năm 1979, nhân dân Việt Nam tiến hành đồng thời hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và phía Bắc.
- d. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam sau năm 1975, đã tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam đã đập tan mưu đồ thâm độc của tập đoàn Pol Pot-Ieng Sary, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi bờ vực của thảm họa diệt chủng; chặn đứng âm mưu chia rẽ truyền thống đoàn kết lâu đời của ba nước Đông Dương, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới; tạo điều kiện khôi phục lại tình hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam-Campuchia.”

(Trích bài viết của Thiếu tướng, Tiến sỹ Nguyễn Hoàng Nhiên - Đăng trên báo Nhân dân điện tử, Ngày 7/1/2024. <https://www.nhandan.vn>).

- a. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam nhân dân Việt Nam đã làm thất bại âm mưu của tập đoàn Pôn pốt, Ieng xa ri.
- b. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam đã thể hiện tình đoàn kết cao cả của nhân dân Việt Nam với nhân dân Campuchia.
- c. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam chống lại hành động xâm lược, phá hoại của chính quyền Bắc Kinh.
- d. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam đã để lại bài học về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau:

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, nhiệm vụ chính trị quan trọng của Việt Nam là thống nhất đất nước về mặt nhà nước cũng được hoàn thành. Cả nước bước vào giai đoạn độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh lịch sử có nhiều biến động: Mỹ thực hiện chính sách bao vây cấm vận đối với Việt Nam; quan hệ Việt Nam - Trung Quốc - Cam pu chia diễn biến theo chiều hướng phức tạp.

- a. Với đại thắng mùa xuân năm 1975, Việt Nam đã thống nhất cả về lãnh thổ và nhà nước.
- b. Sau tháng 4/1975, nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.
- c. Sau tháng 4/1975, Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh lịch sử có nhiều thuận lợi.
- d. Trong những năm 80 – thế kỉ XX, tình hình chính trị của Đông Nam Á có những diễn biến tích cực.
